

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 10 năm 2018
V/v: “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Đoàn - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1990, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh V.

Bị đơn: Anh Dương Hồng H, sinh năm 1990, vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 03 tháng 8 năm 2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị kết hôn với anh Dương Hồng H ngày 25 tháng 12 năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh V. Kết hôn xong, chị về chung sống cùng gia đình anh H tại thôn Đ, xã H ngay. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc khoảng hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn

do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên dẫn đến tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 và cắt đứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, hiện chị cũng không mang thai gì với anh H nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Dương Hồng H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, trong bản tự khai đề ngày 03 tháng 10 năm 2018 anh trình bày:

Anh xác định anh và chị S đăng ký kết hôn ngày 25/12/2017 và đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Trước khi kết hôn, anh chị có được tự do tìm hiểu thỏa thuận. Kết hôn xong, chị S về gia đình anh làm dâu ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị S bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 7/2018 đến nay. Nay chị S xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh H xác định chồng không có con chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của chị S, cho chị S được ly hôn anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét nhận định:

1. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S có yêu cầu xin ly hôn bị đơn anh Dương Hồng H hiện đang cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh V. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Sỹ đều có mặt, tại phiên tòa anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị S và anh Dương Hồng H đều thể hiện: Ngày 25 tháng 12 năm 2017 anh chị được hai bên gia đình tổ chức kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị S, anh H đều thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay chị S xin ly hôn anh H đồng ý. Xét mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, các bên tự nguyện đồng ý ly hôn, nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị S xin ly hôn anh H.

Về con chung: Chị S, anh H đều xác nhận không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị S, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Chị S là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị S, cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Dương Hồng H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: AA/2016/ 0001563 ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Chị S đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị S có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND huyện L
- THADS huyện L
- UBND xã H
- Các đương sự
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp